

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 18-7-2019

V/v: “tranh chấp quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Quỳnh Nga – Ông Đặng Văn Đê

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 116/2018/TLST- DS ngày 24/5/2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, thông báo mở lại phiên tòa số 12/TB-TA ngày 01/7/2019 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ông Lê Duy C, sinh năm 1992 (Có mặt)

Trú tại: 2631 tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ông C ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Duy H

Trú tại: 2631 Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa (có mặt).

2/Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa.

Bà T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Vũ Đình Th, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa.

3/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949 (Có mặt);

Trú tại: Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa.

Bà N ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Vũ Đình Th

3.2/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962 và ông Lê Duy H, sinh năm 1960 (có mặt);

Trú tại: 2631 Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa

3.3/ Ông Vũ Đình Th, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Duy C và lời khai tại tòa, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Duy H trình bày:

Vào đầu năm 1990, ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị Th là cha mẹ của ông Lê Duy C nhận chuyển nhượng từ bà Bùi Thị Liên một thửa đất có nhà ở và một thửa đất ruộng tại phường P, thành phố Bà Rịa. Năm 1994, vợ chồng ông H, bà Th chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N một phần đất ở 2,8m x 4,4m có tứ cận: Đông giáp đất của ông H, bà Th, tây giáp đất bà N, nam giáp đất ông H, bà Th, bắc giáp đất bà N. Năm 1996, ông H, bà Th tiếp tục chuyển nhượng cho bà N một phần đất để bà cho con cất nhà ở. Tứ cận: Đông giáp đất ông H, bà Th 17m, tây giáp đất bà N 17m, nam giáp đất ông H, bà Th 8,5m; bắc giáp đất bà N 9m. Khi nhận chuyển nhượng, bà N cho vợ chồng người con gái Đặng Thị Kim T và Vũ Đình Th cất nhà, lúc đó chỉ cất nhà trong khuôn viên đất mua. Khi lập sơ đồ đo đạc tổng thể, ông H và bà Th không có mặt nên không rõ bên gia đình bà N chỉ ranh như thế nào. Và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bà N ông bà không nắm được. Năm 1997, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 150, nay là thửa 120 tờ bản đồ 12 có nhà ở. Năm 1999, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 149, nay là thửa 138 tờ bản đồ 12, phường P. Sau thời gian ở, bà T xây thêm nhà bếp tạm, đã thấy có sự lấn đất, ông H có nói chuyện với ông Th thì ông Th bảo không bao nhiêu, nếu cần sẽ trả lại. Năm 2016, ông bà tặng cho toàn bộ hai thửa 120 và 138 cho ông Lê Duy C. Năm 2018, gia đình bà T xây dựng thêm ra khỏi phần đất mua bán và lấn cả sang phần đất ruộng ở thửa 138. Qua xem giấy tờ đất của bà T, ông C phát hiện giấy tờ đã cấp dư cho bà T so với thỏa thuận mua bán ban đầu giữa hai bên. Chính vì vậy, ông C khởi kiện đề nghị bà T trả lại cho ông C khoảng 10m² thửa 120 và khoảng 10m² thửa 138 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ kiện và tổ chức đo đạc thực tế, các phần đất tranh chấp đã được mô tả trên sơ đồ vị trí thửa đất ngày 17/5/2019 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp, ông C nhận thấy bà T không sử dụng lấn sang thửa 120, mà phần sử dụng của ông C gồm nhà ở, tường rào và đường ống nước có diện tích 6m² (gồm lô A diện tích 0,5m²; lô B diện tích 2,1m²; lô P diện tích 3,4m²) nằm vào thửa 119 tờ bản đồ 12 do bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Việc bà T kê khai để được cấp giấy đối với phần đất do ông C sử dụng ổn định từ năm 1991 là sai. Do đó, ông C đề

ngợi Tòa án công nhận diện tích đất này cho ông C. Đối với việc bà T xây dựng nhà bếp và nhà tắm đã vượt ra khỏi diện tích đất bà N chuyển nhượng trước đây và lấn thêm vào thửa 138 của ông C tổng diện tích 13,3m² (gồm lô D diện tích 0,8m², lô E diện tích 5,1m², lô F diện tích 4,2m², lô diện tích G 0,2m², lô H diện tích 0,2m², lô K diện tích 1,6m², lô I diện tích 0,6m², lô L diện tích 0,2m², lô M diện tích 0,6m²), ông C đề nghị bà T giao trả lại cho ông C toàn bộ phần đất này.

Đại diện bị đơn Đặng Thị Kim T, ông Vũ Đình Th trình bày: Năm 1996, bà Nguyễn Thị N là mẹ của bà Đặng Thị Kim T chuyển nhượng của ông H, bà Th quyền sử dụng đất chiều rộng 10m, chiều dài 20m tiếp giáp đất của ông H, bà Th và đất của gia đình bà N. Ngay sau đó bà N cho vợ chồng ông Th và bà T để cất nhà ở. Từ đó đến nay hiện trạng xây dựng vẫn còn. Năm 2011, bà T được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 160,5m² thửa 119 tờ bản đồ 12 Phường P. Năm 2018, ông Th và bà T có xây thêm nhà tắm. Sau đó gia đình ông định xây dựng công trình phụ để sử dụng và để làm ranh đất thì bên nhà ông H không cho, vì vậy không xây dựng được. Ông Th xác định gia đình ông sử dụng đúng ranh đất đã chuyển nhượng và đã được cấp giấy tờ. Qua đo đạc thể hiện trên sơ đồ vị trí thửa đất tranh chấp thì bên nhà ông có sử dụng lấn vào một phần nhỏ của thửa 138 do ông C đứng tên, ông đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất này. Riêng bên nhà ông C đã xây dựng nhà và hàng rào, lắp đặt ống nước lấn vào phần đất của thửa 119 do bà T được cấp quyền sử dụng nên bà T yêu cầu phản tố đề nghị ông C tháo dỡ nhà và hàng rào ra khỏi vị trí hiện tại trả lại đất cho bà T 6m².

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 1996, bà N có nhận chuyển nhượng của bà Th và ông H một phần đất rộng 10m, dài 20m tiếp giáp với đất của bà N. Khi chuyển nhượng có làm giấy tờ nhưng khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm thất lạc giấy tay và không để ý đến nữa. Bà N đã giao tiền và bà Th, ông H đã giao đất cho bà. Bà đã cho con gái là Đặng Thị Kim T cất nhà ở từ năm 1996 cho đến nay. Bà Th và ông H cũng đã sử dụng ổn định sát bên. Nay chỉ vì liên quan đến việc bà yêu cầu bà Th và ông H dời đồng hồ nước về nhà, không cho để trên đất của bà nữa mà bên bà Th làm nên vụ kiện thưa đòi đất. Bà đề nghị Tòa án xét xử công minh cho các bên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án thành phố Bà Rịa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải đúng theo quy định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội thẩm nhân dân và thư ký tòa án tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần đơn phản tố của bị đơn. Đề nghị:

+ Công nhận quyền sử dụng đất các lô A, B, P = 6m² thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị Kim T. Ông C sử dụng phần đất có nhà ở và tường rào của ông C trên lô P diện tích 3,4m² thuộc thửa 119 tờ bản đồ 12 P. Ông C trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà T theo giá thị trường 800.000đ/m².

+ Công nhận cho ông Lê Duy C quyền sử dụng 3m² đất thuộc thửa 138 tờ bản đồ 12 P (lô H, K, I, M). Buộc bà T phải trả lại lô I, M cho ông C. Bà T tiếp tục sử dụng lô H, K diện tích 1,8m² và trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông C theo giá thị trường 400.000đ/m². Riêng lô E, F, Đ = 10,1m² thuộc quyền sử dụng của bà T.

Về án phí cả nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Duy C khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Đặng Thị Kim T, đất tranh chấp tại thành phố Bà Rịa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bà Rịa.

[2] Về nội dung:

Ông Lê Duy C kiện đòi bà Đặng Thị Kim T giao trả diện tích đất khoảng 10m² thuộc thửa 138 và khoảng 10m² thuộc thửa 120 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu bà T trả lại cho ông C 13,3m² thửa 138 và công nhận quyền sử dụng đất cho ông C 6m² thửa 119 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa.

Bà Đặng Thị Kim T yêu cầu phản tố đòi ông Lê Duy C trả lại cho bà T 6m² đất thuộc thửa 119 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy C và yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Kim T, thấy rằng: Ông C tranh chấp với bà T hai phần đất ở hai vị trí khác nhau:

Phản tranh chấp thứ nhất nằm về hướng tây của thửa 120 tờ bản đồ 12 phường P. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp ngày 17/5/2019 thì phản tranh chấp này gồm ba lô: Lô A có diện tích 0,5m², lô B diện tích 2,1m², lô P diện tích 3,4m². Trên phần đất tranh chấp hiện có một phần nhà ở, tường rào và đường ống nước sinh hoạt của ông Lê Duy C. Phần đất này là ranh giới tiếp giáp thửa 120 và thửa 119 do bà T được Ủy ban nhân dân thị xã Bà Rịa cấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 475403 ngày 12/9/2011.

Theo bà Th và ông H khai báo nhà ở này ông bà xây dựng năm 2001 và tường rào đã có sẵn từ trước khi bà T sử dụng đất. Trong thời gian xây dựng nhà ở giữa hai bên gia đình không có xích mích gì, đồng ý với hiện trạng. Ông Th cho rằng đã có cảnh báo cho ông H và bà Th lúc mới bắt đầu xây nhưng ông H và bà Th không nghe. Tuy nhiên việc bà T, ông Th có ngăn cản xây dựng hay không thì không chứng minh được. Do đó xác định việc xây dựng nhà ở và tường rào cũng như việc lắp đặt ống nước sinh hoạt của nhà ông Lê Duy C là được sự đồng ý thỏa thuận của bà T. Căn cứ vào Điều 175 của Bộ luật dân sự về ranh giới giữa các bất động sản thì quyền sử dụng đất tranh chấp tại vị trí này thuộc về ông C. Ngày 07/9/2018, khi chỉ ranh đo đạc, bà T cũng đã xác định lô P diện tích 3,4m² thuộc quyền sử dụng của ông C. Tại Tòa ông Th cũng thừa nhận gia đình ông C có sử dụng phần đất sau đuôi nhà ông C (lô A diện tích 0,5m², lô B diện tích 2,1m²) để ra vào sửa ống nước. Nay nhận kết quả đo đạc, bà T phát hiện diện tích đất này nằm vào thửa đất 119 thuộc quyền sử dụng của bà T nên bà T yêu cầu phản tố đòi đập nhà trả đất là mâu thuẫn với chính lời khai của bà T, không có cơ sở chấp nhận. Do đó cần công nhận diện tích đất 6m² thửa 119 thuộc quyền sử dụng của ông C.

Phần đất tranh chấp thứ hai do ông C chỉ ranh nằm vị trí giáp ranh thửa 138 và hướng nam của thửa 119, trên sơ đồ vị trí thửa đất tranh chấp do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp ngày 17/5/2019 thể hiện gồm các lô: lô Đ diện tích 0,8m², lô E diện tích 5,1m², lô F diện tích 4,2m², lô H diện tích 0,2m², lô K diện tích 1,6m², lô I diện tích 0,6m², lô L diện tích 0,2m², lô M diện tích 0,6m². Tổng cộng 13,3m². Trong đó lô Đ diện tích 0,8m², lô E diện tích 5,1m², lô F diện tích 4,2m², lô L diện tích 0,2m² thuộc thửa 119. Lô H diện tích 0,2m², lô K diện tích 1,6m², lô I diện tích 0,6m², lô M diện tích 0,6m² thuộc thửa 138. Trên đất tranh chấp là nhà ở và nhà vệ sinh, nhà bếp do bà T xây dựng.

Ông C căn cứ vào giấy tay chuyển nhượng năm 1996 lập giữa ông H, bà Th và bà N để cho rằng bà T tự ý kê khai quyền sử dụng đất lấn chiếm vào đất của ông C nhưng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 150 và 149 tờ bản đồ 12 (số cũ) nay là thửa 120, 138 tờ bản đồ 12 Phường P thể hiện: Thời điểm đăng ký và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 149 và 150 của ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị Th vào năm 1997 và năm 1999. Khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H và bà Th không khiếu nại gì về diện tích đất ông bà được cấp. Năm 2009, bà T mới tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy và năm 2011 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đúng theo trình tự thủ tục, ông H cũng là người ký giáp ranh nên cho rằng bà T kê khai lấn vào thửa 138 là không có cơ sở. Bên bà T cho rằng đã nhận chuyển nhượng của ông H và bà Th diện tích đất 10m x 20m, phủ nhận giấy tay do ông C xuất trình nhưng không có chứng cứ chứng minh, cũng không có yêu cầu giám định chữ ký nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bà T.

Đối chiếu việc sử dụng đất thực tế với sơ đồ vị trí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 138 và 119 thì phía bà T xây dựng nhà bếp từ năm 1996,

bên nhà ông C không tranh chấp nên xem như đồng ý với ranh giới này. Do đó diện tích nhà bếp có phần lấn vào thửa 138 là $0,6\text{m}^2$ cần công nhận cho bà T mới phù hợp quá trình sử dụng.

Các phần nhà tắm xây thêm của nhà bà T năm 2018 (sau khi các bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại lô I diện tích $0,6\text{m}^2$, lô K diện tích $1,6\text{m}^2$, lô H diện tích $0,2\text{m}^2$. Tổng cộng $2,4\text{m}^2$ có lấn sang thửa 138 thuộc quyền sử dụng đất của ông C. Do đó ông C khởi kiện là có cơ sở. Tuy nhiên xem xét khi bà T xây dựng, ông C không ngăn cản, nhà vệ sinh chiếm diện tích nhỏ, không ảnh hưởng đến việc sử dụng phần đất còn lại của ông C. Vì vậy cần giải quyết theo hướng ổn định sử dụng cho bà T đối với phần đất xây dựng sang thửa 138, bà T hoàn trả lại giá trị đất cho ông C theo giá thị trường.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 07/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự thành phố Bà Rịa đã định giá đất tham khảo thị trường 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng/ m^2 . Vì vậy cần buộc bà T trả cho ông C giá trị như sau: $2,4\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đ}/\text{m}^2 = 960.000$ đồng.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí vụ kiện theo giá đất tính theo giá thị trường. Ông C phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận theo giá đất tính theo giá thị trường.

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản là 7.158.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu một nửa. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ, vì vậy bị đơn phải có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn một nửa bằng 3.579.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166, 175 của Bộ luật dân sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy C đối với bà Đặng Thị Kim T về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Kim T đối với ông Lê Duy C về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”

Công nhận cho ông Lê Duy C quyền sử dụng đất 6m^2 thửa 119 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp ngày 17/5/2019 gồm ba lô: Lô A có diện tích $0,5\text{m}^2$, lô B diện tích $2,1\text{m}^2$, lô P diện tích $3,4\text{m}^2$.

Bà Đặng Thị Kim T được tiếp tục sử dụng 3m^2 đất thuộc thửa số 138 tờ bản đồ 12 phường P, thành phố Bà Rịa. Theo sơ đồ vị trí đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp ngày 17/5/2019 gồm lô M diện tích $0,6\text{m}^2$, lô I diện tích $0,6\text{m}^2$, lô K diện tích $1,6\text{m}^2$, lô H diện tích $0,2\text{m}^2$.

Bà T trả lại cho ông C giá trị đất $2,4\text{m}^2$ tại lô I, lô K, lô H là 960.000 (chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Bà Đặng Thị Kim T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Duy C phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 600.000đ tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai số 0002227 và 0002228 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Ông C được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí.

Bà Đặng Thị Kim T hoàn lại cho ông Lê Duy C chi phí đo đạc, định giá 3.579.000đ (ba triệu năm trăm năm bảy mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b, 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2019), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BR-VT;
- VKS ND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hồng Nguyệt

